

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2019/DS-ST**

Ngày: 26-4-2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Liệu

Ông Phạm Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán: Không tham gia.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Đỗ Công T**, sinh năm: 1963; bà **Phan Thị Huyền T1**, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Số 33, tổ 12, ấp 1, xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn L**, sinh năm 1963, bà **Trần Thị Ngọc P**, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Số 18, tổ 13, ấp 1, xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đỗ Công T, bà Phan Thị Huyền T1 trình bày:

Gia đình chúng tôi mở ở đại lý bán thức ăn chăn nuôi, có đăng ký hộ kinh doanh lấy tên Đại lý Công T tại xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Ông L, bà P là hàng xóm với gia đình tôi và bắt đầu mua thức ăn chăn nuôi (cám nuôi heo) của chúng tôi từ tháng 4/2016. Phương thức giao dịch mua bán cám giữa hai bên như sau: Ông L, bà P đến đại lý mua cám, sau đó chúng tôi chở cám đến nhà ông L, bà P. Mỗi lần họ đến mua thì chúng tôi ghi vào sổ tay mua bán cám của chúng tôi. Quá trình mua bán diễn ra lâu dài nên chúng tôi không nhớ rõ số

lượng, chỉ đến ngày 17/4/2017 khi chúng tôi ngồi tính lại số cám đã bán cho ông L, bà P thì xác định ông L, bà P còn nợ chúng tôi số tiền 51.801.000đ. Ông L, bà P thừa nhận số nợ này và ký xác nhận nợ vào sổ ghi của chúng tôi. Ngày 22/10/2017 ông L, bà P đã trả được 1.500.000đ, còn nợ là 50.301.000đ. Từ đó đến nay hai bên không còn giao dịch mua bán cám với nhau nữa, chúng tôi nhiều lần nhắc nhở nhưng ông L, bà P vẫn không chịu thanh toán nợ cho chúng tôi. Nay chúng tôi yêu cầu ông L, bà P phải thanh toán cho chúng tôi số tiền mua bán cám còn thiếu là 50.000.000đ. Ông L, bà P nợ số tiền là 50.301.000đ, tuy nhiên đối với số nợ này chúng tôi chỉ yêu cầu thanh toán số tiền chẵn là 50.000.000đ, số tiền lẻ 301.000đ còn lại không yêu cầu.

Theo đơn khởi kiện thì chúng tôi yêu cầu ông L, bà P phải thanh toán số tiền nợ gốc 50.000.000đ và yêu cầu thanh toán lãi số tiền 16.000.000đ. Nay chúng tôi chỉ yêu cầu ông L, bà P phải thanh toán số tiền nợ gốc 50.000.000đ, rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 16.000.000đ.

Chúng tôi không đồng ý việc bị đơn ông L, bà P đề nghị sẽ trả hết nợ cho người khác thì mới thanh toán nợ cho chúng tôi. Chúng tôi yêu cầu bị đơn phải thanh toán ngay một lần số nợ 50.000.000đ.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Văn L, bà Trần Thị Ngọc P trình bày:

Chúng tôi thống nhất với trình bày của nguyên đơn ông T, bà T1 về giao dịch mua bán cám giữa hai bên. Chúng tôi thừa nhận còn thiếu nợ ông T, bà T1 số tiền mua cám là 50.301.000đ.

Nay ông T, bà T1 yêu cầu chúng tôi thanh toán số tiền 50.000.000đ thì chúng tôi đồng ý thanh toán. Tuy nhiên do chúng tôi còn nợ tiền người khác, nên chưa thanh toán tiền nợ cho ông T, bà T1 được; bao giờ chúng tôi trả hết nợ cho người khác thì chúng tôi sẽ thanh toán số tiền nợ này cho ông T, bà T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: Theo xác nhận nợ ngày 17/4/2017, ông L, bà P thừa nhận còn nợ ông T, bà T1 số tiền 51.801.000đ. Ngày 05/11/2018 ông T, bà T1 khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ từ giao dịch mua bán tài sản (thức ăn chăn nuôi) giữa hai bên, nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng pháp luật: Giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi giữa nguyên đơn với bị đơn bắt đầu từ tháng 4/2016, đây là thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực thi hành. Quá trình mua bán giữa hai bên diễn ra liên tục từ tháng 4/2016 cho đến ngày 17/4/2017, sau đó hai bên chốt lại công nợ và kết thúc giao dịch không còn mua bán với nhau nữa. Thời điểm tháng 4/2017 là thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, Bộ luật dân sự năm 2005 hết hiệu lực thi hành. Căn

cứ theo Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung:

Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của các bên đương sự và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xét thấy giữa ông T, bà T1 và ông L, bà P có giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi là cám nuôi heo kể từ thời điểm tháng 4/2016. Hai bên không có ký hợp đồng nhưng có thỏa thuận miệng về phương thức mua bán. Đến ngày 17/4/2017 hai bên xác nhận với nhau nội dung là ông L, bà P còn nợ ông T, bà T1 số tiền mua cám là 51.801.000đ; ngày 22/10/2017 ông L, bà P đã trả được 1.500.000đ, còn nợ 50.301.000đ.

Nguyên đơn ông T, bà T1 khởi kiện cho rằng ông L, bà Phường còn nợ tiền mua cám là 50.301.000đ; để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn đã cung cấp 02 cuốn sổ ghi nợ tiền mua bán cám, trong đó thể hiện việc chốt số tiền nợ giữa hai bên (bút lục 39). Bị đơn ông L, bà P cũng thống nhất thừa nhận là còn nợ ông T, bà T1 số tiền mua cám là 50.301.000đ. Do vậy đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nay ông T, bà T1 yêu cầu ông L, bà P phải thanh toán số tiền 50.000.000đ; ông L, bà P đồng ý thanh toán nợ nhưng đề nghị khi nào ông bà thanh toán nợ cho người khác xong thì mới thanh toán cho ông T, bà T1. Tuy nhiên ông T, bà T1 không chấp nhận đề nghị này mà yêu cầu ông L, bà P phải thanh toán ngay một lần.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở xác định giữa ông T, bà T1 và ông L, bà P đã xác lập hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự. Hai bên đã kết thúc giao dịch mua bán với nhau và từ ngày 23/10/2017 ông L, bà P không thanh toán số tiền mua cám 50.301.000đ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông T, bà T1 về việc yêu cầu ông L, bà P phải thanh toán số tiền 50.000.000đ là có cơ sở nên chấp nhận; buộc ông L, bà P phải thanh toán cho ông T, bà T1 số tiền trên.

Về yêu cầu tiền lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện đối về số tiền lãi 16.000.000đ, nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Huỳnh Văn L, bà Trần Thị Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Nguyên đơn ông Đỗ Công T, bà Phan Thị Huyền T1 rút một phần yêu cầu khởi kiện trước khi mở phiên tòa nên không phải chịu án phí.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 357, 429, 430, 440, Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Công T, bà Phan Thị Huyền T1 về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn L, bà Trần Thị Ngọc P trả số tiền lãi 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng).

2. Chấp nhận câu khởi kiện của ông Đỗ Công T, bà Phan Thị Huyền T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” với ông Huỳnh Văn L, bà Trần Thị Ngọc P.

Buộc ông Huỳnh Văn L, bà Trần Thị Ngọc P trả cho ông Đỗ Công T, bà Phan Thị Huyền T1 số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ông Huỳnh Văn L, bà Trần Thị Ngọc P phải chịu 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Đỗ Công T, bà Phan Thị Huyền T1 số tiền 1.650.000đ (Một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002051 ngày 05/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền